

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIỄN CHÂU
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11/4/2024

"V/v: "Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thái Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Văn Dũng

2. Ông: Nguyễn Thế Anh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Hoàng Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên tòa: ông Đặng Hồng Phong – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn châu, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 418/2023/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 2 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2024/QĐHPT- HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 của tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1984. *vắng mặt có đơn*

Nơi cư trú: Xóm Đông Phú, xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Trần Văn L; Sinh năm: 1984.

Nơi cư trú: Xóm Đông Phú, xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.
vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 11 năm 2023 và lời khai tại bản khai có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn Chị Trần Thị H trình bày: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn L đăng ký kết hôn vào ngày 19/7/2006 tại UBND xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, theo giấy đăng ký kết hôn số 29/2006 quyền số 02/2006. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sống chung với nhau đến năm 2021 thì hai người phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh L không quan tâm chăm sóc, bỏ bê gia đình vợ con, anh L và chị H nhiều lần cãi vã xích mích làm ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình tâm lý của các con. Chị H và anh L đã sống L thân từ đó đến nay không còn đi lại,

quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị H đề nghị tòa án nhân dân huyện Diên Châu giải quyết L hôn giữa chị H và anh L .

Về con chung: Quá trình chung sống chị Trần Thị H và anh Trần Văn L Có 02 con chung là cháu Trần Duy L1 sinh ngày 02/02/2002 và cháu Trần Duy Mạnh sinh ngày 19/02/2010. Sau khi L hôn chị H có nguyện vọng được nuôi cháu Trần Duy L1 và Trần Duy Mạnh và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải, về cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu ý kiến tại phiên tòa, Kiểm sát viên đánh giá trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng, đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa sơ thẩm nguyên đơn có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, có mặt tại phiên họp tiếp cận công khai kiểm tra chứng cứ và phiên hòa giải tiến hành các bước thu thập chứng cứ, hòa giải theo quy định pháp luật. nguyên đơn và bị đơn anh Trần Văn L Tòa án đã giao giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác đúng quy định Pháp luật chị H đã đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, anh L vắng mặt suốt quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. cần xét xử vắng mặt chị H và anh L theo quy định của Pháp luật. Hội đồng xét xử cũng đã tuân theo đúng quy định của pháp luật trong quá trình xét xử, không có vi phạm về thủ tục.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị cho Chị Trần Thị H được L hôn anh Trần Văn L.

Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung là cháu Trần Duy L1 sinh ngày 02/02/2002 và cháu Trần Duy Mạnh sinh ngày 19/02/2010 cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng là đúng theo quy định Pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản và nợ chung, vay nợ: Chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị miễn xét.

Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp án phí L hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến trình bày của nguyên đơn ý kiến trình bày của kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều luật tố tụng Dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chấp hành theo quyết định của tòa án, của Cơ quan tiến hành tố tụng, tại phiên tòa thứ nhất nguyên đơn chị H có mặt, bị

đơn Anh Trần Văn L không đến làm việc với Tòa án, cũng như tại phiên tòa lần thứ nhất anh L vắng mặt. Phiên tòa triệu tập lần thứ hai, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; anh L tiếp tục vắng mặt xét thấy cần xét xử vắng mặt chị H và anh L theo quy định của Pháp luật, Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh L.

[3] Về tình trạng hôn nhân: Căn cứ vào tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và các tài liệu do tòa án thu thập được có đủ căn cứ xác định: chị Trần Thị H và anh Trần Văn L đăng ký kết hôn vào ngày 19/7/2006 tại UBND xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, theo giấy đăng ký kết hôn số 29/2006 quyển số 02/2006. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương hôn nhân này được Pháp luật bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: chị H và anh L sống chung với nhau được một thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2021 anh L đi làm ăn ở xa, dẫn đến không còn quan tâm chăm sóc con và gia đình, khi anh L về nhà chị H và anh Trần Văn L nhiều lần cãi vã xô xát, gây áp lực cuộc sống đối với chị H, chị H đề nghị giải quyết L hôn với anh L, xét thấy mối quan hệ giữa chị H và anh L không thể hàn gắn, quá trình triệu tập lên Tòa án làm việc anh L biết việc này nhưng anh L không quan tâm về mối quan hệ hôn nhân này nữa, nên giải quyết L hôn là có căn cứ cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống hai người có 02 con chung là cháu Trần Duy L1 sinh ngày 02/02/2002 và cháu Trần Duy Mạnh sinh ngày 19/02/2010 đang ở cùng chị Trần Thị H, vì vậy cần giao hai cháu cho chị H chăm sóc là hợp lý hợp tình, về cấp dưỡng nuôi con chung chị H không yêu cầu giải quyết, Tòa án không xem xét.

[5] Về quan hệ tài sản chung và các quyền nghĩa vụ liên quan đến tài sản, vay nợ chung của vợ chồng: Trong vụ án này chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí L hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; khoản 4 điểm c khoản 5 Điều 477; Điều 271; Điều 273; khoản 1 và khoản 3 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51; 54; 56; khoản 1 Điều 59; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2018/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí của tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Trần Thị H được L hôn anh Trần Văn L.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trần Duy L1 sinh ngày 02/02/2002 và cháu Trần Duy Mạnh sinh ngày 19/02/2010 cho chị Trần Thị H chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Trần Văn L.

Sau khi L hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con thì các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản chung và các quyền nghĩa vụ liên quan đến tài sản, vay nợ chung của vợ chồng: Không giải quyết

4. *Án phí*: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/2018/UBTVQH14, Chị Trần Thị H phải nộp 300.000đồng án phí L hôn sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào khoản tiền dự phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu theo biên lai số 011102 ngày 18/12/2023, Chị Trần Thị H đã nộp đủ án phí DSST.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo lên tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Diễn Châu;
- TAND tỉnh Nghệ An ;
- Chi cục thi hành án dân sự Diễn Châu ;
- UBND xã nơi ĐK kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu sồ sơ;
- Lưu VP/TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thái Dương